

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2024/HS-ST**

Ngày: 20 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Bảy.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2024/TLST-HS, ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **P**; Nơi sinh: An Giang; Nơi thường trú: tỉnh An Giang; Nơi tạm trú: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P1 và bà P2; Có vợ là bà P3 và 02 người con sinh năm 2023 và 2024; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2024 cho đến nay. *(có mặt)*

Người bào chữa của bị cáo:

1/. Bà P4, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 197, đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)*

2/. Bà P5, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 197, đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

Bị hại: Ông H; Nơi cư trú: Ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)*

Người làm chứng:

1/. Bà L; Nơi cư trú: Ấp A2, xã B2, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)*

2/. Ông K; Nơi cư trú: Ấp A2, xã B2, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 05/6/2024, P đi bộ từ nhà vợ của P thuộc ấp A, xã B, huyện Kế Sách đến Chợ Trà Quýt thuộc huyện Châu Thành để cầm cố giấy căn cước công dân của P lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến đoạn lộ đal trước nhà ông H thuộc ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách thì P thấy chiếc xe mô tô biển số 83F9-4851 của ông H đậu trên lộ đal phía trước cổng nhà ông H, chìa khóa xe vẫn còn cắm trên ổ khóa xe, lúc này P nảy sinh ý định lấy trộm xe để làm phương tiện đi lại. Sau khi quan sát xung quanh thấy không có ai trông giữ xe thì P lên xe khởi động máy và điều khiển xe chạy về hướng Chợ Trà Quýt. Ông H đang ở trong nhà nghe tiếng xe chạy ở phía trước cổng nhà nên chạy ra kiểm tra thì phát hiện xe đã bị mất trộm, ông H liền truy hô và đuổi theo P, đồng thời gọi điện thoại cho Công an xã Kế An trình báo vụ việc bị mất trộm xe. Ông H cùng Công an xã Kế An đuổi theo P đến trước cổng Trung tâm y tế huyện Châu Thành thì bắt được P cùng với chiếc xe mô tô biển số 83F9-4851 mà P vừa lấy trộm của ông H.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 23, ngày 17/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Halim, màu nâu, biển số 83F9-4851, trị giá là 3.000.000 đồng. Như vậy, trị giá tài sản trộm cắp là 3.000.000 đồng.

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; đồng thời, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với P từ ngày 04/7/2024 cho đến nay.

Về thu giữ, tạm giữ và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ, tạm giữ và đã ra quyết định trao trả lại cho ông H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Halim, màu nâu, biển số 83F9-4851 (Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 518/QĐ-ĐC SHS ngày 26/6/2024). Hiện nay, Cơ quan điều tra không còn tạm giữ vật chứng gì.

Về trách nhiệm dân sự: Ông H đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu P bồi thường gì về dân sự.

Tại Bản Cáo trạng số 57/CT-VKS-KS, ngày 30/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách nhận định hành vi phạm tội nêu trên của P, từ đó quyết

định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để xét xử P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách giữ quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo P, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo P, phạm tội “Trộm cắp tài sản”; căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt bị cáo mức án tù từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Kế Thành, huyện Kế Sách giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách...

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không có.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa của bị cáo thống nhất bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo... theo nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố; về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm...

- Bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố và thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người bào chữa của bị cáo là bà P4, bị hại ông H và những người làm chứng bà L, ông K

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có văn bản xin vắng mặt; những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ và sự vắng mặt cũng không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án; đồng thời, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách và bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 291, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản Cáo trạng đã nêu. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp với nội dung Bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Kế Sách cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, từ đó có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Vào ngày 05/6/2024 tại ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách, bị cáo đã trộm cắp của bị hại ông H 01 chiếc xe mô tô biển số 83F9-4851 trị giá 3.000.000 đồng. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định Bản Cáo trạng số 57/CT-VKS-KS, ngày 30/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo, không bỏ lọt tội phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận Bản Cáo trạng.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản tính lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài nhưng không phải thông qua lao động chính đáng mà bị cáo đã cố ý trộm cắp tài sản của người khác, cho nên cần xử phạt bị cáo tương xứng với mức độ, hành vi của bị cáo gây ra để đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên được xem là chưa gây thiệt hại; trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo hiện có 02 con nhỏ sinh năm 2023 và 2024; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về hình phạt: Mức hình phạt của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân

dân huyện Kế Sách và người bào chữa của bị cáo đều đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo có đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; cụ thể bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để chính quyền địa phương phối hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo tại nơi cư trú cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và thể hiện tính nhân đạo của chính sách pháp luật hình sự Việt Nam.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng có giá trị, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Hiện nay, Cơ quan điều tra không còn tạm giữ vật chứng gì; bị hại ông H đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và cũng không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí: Bị cáo là cá nhân thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm, nên được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách và người bào chữa của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận như các nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 38, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố: Bị cáo P, phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Bị cáo P **06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (mười hai) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/9/2024).

Giao bị cáo P là người được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Hiện nay, Cơ quan điều tra không còn tạm giữ vật chứng gì và không có ai yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự trong vụ án, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo P được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo P có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị hại ông H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kế Sách;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Bị cáo, Bị hại...;
- UBND xã B, huyện Kế Sách;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Việt